

Bản án số:01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 01 năm 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ngư**
2. Ông **Lâm Ngọc Hà**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Loan Em**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: bà
Huỳnh Mộng Kiều, Kiểm sát viên

Ngày 12/01/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc
Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03
tháng 8 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 192/2020/QĐXX-ST, ngày 03/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số
164/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Kim L**, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình D**, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp K, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2020 và các lời khai trong quá trình
giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Bùi Thị Kim L** trình bày: Chị L và anh **Nguyễn Đình
D** tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới năm 2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban
nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 13/3/2013. Trong quá trình chung
sống vợ chồng chị có 01 con chung tên **Nguyễn Duy K**, sinh ngày 13/6/2013 đang
sống chung với anh D. Nguyên nhân mâu thuẫn là thời gian đầu hai vợ chồng sống
chung hạnh phúc, đến khoảng tháng 06 năm 2014, chị và anh D xảy ra nhiều mâu
thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, dẫn đến cuộc sống

hôn nhân không có hạnh phúc, chị đã bỏ về cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2014 nên chị và anh D không sống chung với nhau nữa cho đến nay.

Nay chị Bùi Thị Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đình D.
- Về con chung: Chị L đồng ý giao cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 13/6/2013 đến trưởng thành, chị L không cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần 2. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan hệ pháp luật và yêu cầu của đương sự:

[2] Nguyên đơn Bùi Thị Kim L yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Đình D, về con chung, chị L đồng ý giao con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 13/6/2013 cho bị đơn anh Nguyễn Đình D trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*".

[3] Hội đồng xét xử xét thấy thực trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án cũng đã tạo điều kiện để vợ chồng có cơ hội hàn gắn cuộc hôn nhân bằng việc tổ chức hòa giải nhằm để động viên vợ chồng hàn gắn, nhưng chị L và anh D vẫn vắng mặt, chị L làm đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh D. Nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L cho chị được ly hôn với anh D.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh D có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 13/6/2013. Tại phiên tòa hôm nay, chị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và đồng ý giao con chung nêu trên cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành và chị L không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, trong thời gian chị L và anh D xảy ra mâu thuẫn, cháu K là con chung của anh chị, đã và đang sống chung với anh D ổn định, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên và theo theo nguyện vọng của cháu K là được sống chung với cha. Từ những phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn được chấp nhận. Giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 13/6/2013 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị L không cấp dưỡng nuôi con. Đối với chị L không trực tiếp nuôi con chung nhưng vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bị đơn D không yêu cầu nguyên đơn L cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Đình D, về con chung: Nguyễn Duy K, sinh ngày 13/6/2013 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, về cấp dưỡng: Bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét, về tài sản và nợ chung: Không có, chị L không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại Khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Đình D.

1.1. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 13/6/2013 cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

1.2. *Về cấp dưỡng:* Anh D không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để xem xét.

Nguyên đơn chị Bùi Thị Kim L không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

2. *Về án phí sơ thẩm:* Chị Bùi Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005161, ngày 19/6/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, Đối với nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện Kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhân